TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày: 26-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải

2. Ông Phan Tấn Vũ

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 đến ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 11 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn D,** sinh ngày 02 tháng 9 năm 1964; tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: H’rê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị R (đã chết); Vợ Phạm Thị G (đã chết); Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2023 cho đến nay (bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt do tai biến nặng).

2. Họ và tên: **Phạm Văn T,** sinh ngày 18 tháng 7 năm 1976; tại xã B, B, Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công chức Uỷ ban nhân dân (UBND) xã B; Trình độ học vấn: Đại học; Dân tộc: H'rê; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn N (đã chết) và bà Phạm Thị N1 (đã chết); Vợ: Phạm Thị Đ; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2023 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Lê Bá Đ1**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1986; tại: Xã P, Đ, Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Công chức UBND xã B; Trình độ học vấn: Đại học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê N2 (sinh năm 1939) và con bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1937); Vợ Huỳnh Thị K; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/9/2023 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **P**, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1968; tại: L, Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Phó phòng Trung tâm khuyến nông tỉnh Q và Q Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty T14 (TNHH) Khoa học và C5; Trình độ học vấn: Đại học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn X (sinh năm 1929) và bà Bùi Thị T1 (đã chết); Vợ: Phan Thị Kim H; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1998; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/01/2024 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T2**, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1984; tại: L, Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ B, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH C5; Trình độ học vấn: Đại học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị H1; Vợ: Nguyễn Thúy H2; Con: có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/ 01/2024 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T:* Ông Nguyễn Xuân P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số F, đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Bá Đ1:* Luật sư Tăng Minh T4- Thuộc Công ty L7, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ trụ sở làm việc: 221/40 V, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Phan S:* Luật sư Lê Hoàng H3 - Thuộc Công ty L8, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T2:* Luật sư Võ Thị Thủy T5 - Thuộc Công ty L8, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ trụ sở làm việc: Số A đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Phạm Văn Q; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

2. Ông Phạm Văn T6; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

3. Ông Trần Phương Đ2; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

4. Ông Phạm Văn C1; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

5. Ông Phạm Văn K1; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

6. Bà Phạm Thị N3; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

7. Ông Phạm Văn D1; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

8. Ông Phạm Văn X1; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

9. Ông Phạm Văn N4; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

10. Ông Phạm Văn Đ3 ; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

11. Bà Phạm Thị S1; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

12. Bà Phạm Thị N5; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

13. Ông Phạm Văn B1; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

14. Ông Phạm Văn G1; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

15. Ông Phạm Văn G2; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

16. Ông Phạm Văn H4; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

17. Ông Phạm Văn H5; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

18. Ông Phạm Văn Ă; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

19. Ông Phạm Văn X2; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

20. Bà Phạm Thị D2; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

21. Ông Phạm Văn H6; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

22. Ông Phạm Văn L; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

23. Ông Phạm Văn N6 (Đậy); nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

24. Ông Phạm Văn G3; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

25. Ông Phạm Văn L1; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

26. Ông Phạm Văn Ê; nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

27. Bà Phạm Thị C2; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

28. Bà Phạm Thị M; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

29. Ông Phạm Văn X3; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

30. Bà Phạm Thị E; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

31. Ông Phạm Văn G4; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

32. Bà Phạm Thị L2; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

33. Bà Phạm Thị G5; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

34. Ông Phạm Văn H7; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

35. Bà Phạm Thị M1, ông Phạm Văn M2; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

36. Bà Phạm Thị T7; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

37. Ông Phạm Văn Í; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

38. Ông Phạm Văn N7; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

39. Ông Phạm Văn C3; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

40. Bà Phạm Thị X4; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

41. Bà Phạm Thị B2; nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

42. Công ty TNHH C5; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2- Giám đốc Công ty TNHH C5 (Có mặt);

43. Ông Phạm Văn U; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

44. Ông Phạm Văn T8; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

45. Ông Phạm Văn X5; nơi cư trú: Thôn V, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

46. Ông Nguyễn Tấn H8; nơi cư trú: Tổ dân phố số B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

47. Ông Phan Văn X; nơi cư trú: Số B đường N, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt có lý do);

48. Bà Phan Thị Kim T9; nơi cư trú: số C L, phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do);

49. Ông Ngô Đình L3; nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố Q; tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

50. Ông Nguyễn Văn T10; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

51. Ông Trần Ngọc V; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

52. Bà Võ Thị Tú S2; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

53. Bà Võ Thị Mỹ L4; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt có lý do);

54. Ông Đỗ Thành Đ4; nơi cư trú: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

55. Bà Đỗ Thị H9; nơi cư trú: Tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

56. Ông Phan H10; nơi cư trú: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

57. Ông Lê Hồng Q1; nơi cư trú: Lô B, đường L, KDC Nam G, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt có lý do).

* *Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Quốc T11; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T12; địa chỉ: Khu dân cư S, thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

2. Ông Chế Ngọc V1; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

3. Ông Nguyễn T13; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

4. Ông Vũ Văn V2; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt);

5. Ông Võ Phước Đ5; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do);

6. Ông Nguyễn Thanh H11; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt không có lý do).

* *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn X6- Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao huyện B (phiên dịch tiếng Hre) (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/4/2019 và 23/5/2019, UBND huyện B ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND về việc phân khai kinh phí sự nghiệp năm 2019 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững *(dự án 1, 2, 5)*và Quyết định số 922/QĐ-UBND về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2019 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đến ngày 13/8/2019, UBND huyện B có Quyết định số 1650/QĐ-UBND về việc điều chỉnh (lần 2) danh mục dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND huyện.

Căn cứ các Quyết định trên, UBND xã B tiến hành phân công nhiệm vụ để triển khai thực hiện Dự án, trong đó Phạm Văn D- Chủ tịch UBND xã B là Trưởng Ban quản lý Các chương trình mục tiêu quốc gia xã B là người chỉ đạo chung; Phạm Văn T- Công chức Tài chính – Kế toán UBND xã B có nhiệm vụ xây dựng phương án, dự toán kinh phí thực hiện, thủ tục liên quan đến thanh, quyết toán Dự án; Lê Bá Đ1- Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường UBND xã B tham gia xây dựng hồ sơ xét duyệt lựa chọn các hộ dân thuộc diện hộ nghèo thuộc các thôn trên địa bàn xã B để tham gia Dự án, xây dựng phương án, tổ chức triển khai thực hiện việc cấp phát trâu, tổ chức tập huấn, quản lý, theo dõi trâu được cấp phát cho các hộ dân.

Quá trình thực hiện Dự án chăn nuôi trâu cái nội thuộc Chương trình 30a năm 2019 có 17 con trâu, 17 hộ dân tham gia (viết tắt Dự án 30a) và Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương xã B, huyện B thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019 có 24 con trâu, 24 hộ dân tham gia (viết tắt Dự án Nông thôn mới), cụ thể như sau:

Đối với Dự án 30a:

Ngày 14/6/2019, UBND xã B có Quyết định số 19/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững xã B giai đoạn 2016-2020. Đến ngày 31/10/2019, UBND xã B xây dựng Dự án chăn nuôi trâu cái nội thuộc Chương trình 30a năm 2019 trình UBND huyện B phê duyệt theo Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 25/11/2019. Theo đó, ngày 10/12/2019, UBND xã B có Tờ trình số 54/TTr-UBND về việc xin phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án chăn nuôi trâu cái nội thuộc Chương trình 30a năm 2019 (Gói thầu cung ứng con giống 17 con trâu/17 hộ dân, trọng lượng 131kg/con, đơn giá: 14.410.000 đồng, tổng giá trị: 244.970.000 đồng và Gói thầu cung ứng thuốc thú y, phối tinh năm đầu tiên, giá gói thầu: 40.000.000 đồng. Hình thức: Chỉ định thầu rút gọn).Ngày 11/12/2019, UBND huyện B có Quyết định số 3487a/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Chăn nuôi trâu cái nội xã B (*Phê duyệt gói thầu cung ứng con giống, hình thức: Chỉ định thầu rút gọn)* và UBND xã B đã có Quyết định số 162a/QĐ-UBND, ngày 12/12/2019 về việc chỉ định đơn vị nhận thầu Dự án chăn nuôi trâu cái nội xã B thuộc Chương trình 30a là Công ty TNHH C5 (viết tắt là Công ty C5), có địa chỉ trụ sở tại B N, phường N, TP ., tỉnh Quảng Ngãi do Nguyễn Văn T2 làm Giám đốc và Phan S được ông Phan Văn X là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty C5 uỷ quyền để chỉ đạo Công ty C5 tổ chức sản xuất, kinh doanh cũng như trọn quyền sở hữu toàn bộ phần góp vốn trong Công ty C5. Đến ngày 14/12/2019, giữa UBND xã B và Công ty C5 ký kết Hợp đồng kinh tế Gói thầu: Về việc cung ứng Trâu giống từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a năm 2019, xã B số 10/2019/HĐKT-UBND, trong hợp đồng nêu rõ *"Công ty C5 chịu trách nhiệm cung cấp đúng số lượng, chất lượng con giống theo quy định của Nhà nước và cấp giống trong khoản thời gian 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, sau khi nghiệm thu, bàn giao Trâu giống cho hộ dân và thanh lý hợp đồng, bên UBND xã B sẽ thanh toán đầy đủ cho Công ty C5 theo giá trị hợp đồng".*

Đối với Dự án Nông thôn mới:

Ngày 11/9/2019, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B có Thông báo số 13/TB-NNPTNT về việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019. Đến ngày 17/9/2019, Công ty C5 có Đơn đăng ký chủ trì dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2019, sau đó UBND xã B có Tờ trình số 16/TTr-UBND, ngày 31/10/2019 về việc xin phê duyệt dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương xã B. Đến ngày 29/11/2019, UBND huyện B có

Quyết định số 3124/QĐ-UBND về phê duyệt Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương xã B. Theo đó, Công ty C5 được chọn là đơn vị chủ trì dự án, bà Võ Thị Mỹ L4 là nhân viên của Công ty C5, được chọn làm cá nhân chủ nhiệm dự án, số lượng con giống là 24 con/24 hộ dân, trọng lượng 180kg/con, đơn giá: 19.800.000 đồng, tổng giá trị: 475.200.000 đồng và thức ăn hỗn hợp, số lượng: 720 kg, đơn giá: 14.000 đồng, tổng giá trị: 10.080.000 đồng. Tổng cộng: 485.280.000 đồng. Ngày 02/12/2019, UBND xã B và Công ty C5 ký Hợp đồng thực hiện dự án Khoa học và Công nghệ số 01/2019/HĐ-DAKHCN và ngày 10/12/2019, UBND xã B có Quyết định số 166/QĐ-UBND về việc chỉ định đơn vị nhận thầu Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trâu địa phương xã B. Tên nhà thầu được chỉ định thầu: Công ty C5. Đến ngày 14/12/2019, giữa UBND xã B và Công ty C5 ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trâu địa phương số 09/2019/HĐSXTT, trong hợp đồng nêu rõ *"Công ty C5 chịu trách nhiệm cung cấp đúng số lượng, chất lượng con giống và thời gian cấp giống từ tháng 11- 12/2019, còn UBND xã B chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty C5 trong vòng 10 ngày, kể từ ngày UBND xã B nhận được hoá đơn tài chính, chứng từ hợp lệ của Công ty C5".*

Mặc dù, theo 02 hợp đồng ký đã kết giữa UBND xã B với Công ty C5 đối với 02 Dự án 30a và Nông thôn mới, ghi ngày 14/12/2019 tại UBND xã B, tuy nhiên thực tế giữa Phạm Văn D – Đại diện UBND xã B và Nguyễn Văn T2 – Đại diện Công ty C5 không trực tiếp ký kết hợp đồng với nhau mà chỉ trao đổi thống nhất qua điện thoại, rồi Công ty C5 soạn sẵn các file báo giá của Công ty C5, Công ty TNHH Một thành viên C6, Cơ sở kinh doanh Lê Hồng Q1; cũng như hợp đồng, biên bản nghiệm thu và giao nhận, biên bản thanh lý hợp đồng và kể cả biên bản nhận nợ trâu rồi gửi đến địa chỉ email: lebado08@gmail.comcủa Lê Bá Đ1 vào ngày 17/12/2019 để xem, chỉnh sửa, thống nhất nội dung.

Trong thời gian tháng 12/2019, Phạm Văn D không chỉ đạo thành lập hội đồng nghiệm thu gồm đại diện các hội, đoàn thể của UBND xã B và đại diện các hộ dân nhận trâu để tiến hành nghiệm thu kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách và tiêu chuẩn kỹ thuật trâu, thức ăn của 02 (hai) Dự án 30a và Nông thôn mới do Công ty C5 cung cấp, không thông qua các thành viên của UBND xã B, Đảng uỷ xã B và không xin ý kiến của Chủ tịch UBND huyện B mà tự ý thống nhất với Phan S về việc *"Gửi lại 41 con trâu và 720 kg thức ăn cho Công ty C5, đồng thời UBND xã B thanh toán số tiền tương ứng với giá trị 41 con trâu và 720 kg thức ăn cho Công ty C5"*. Sau đó, Phạm Văn T liên lạc qua điện thoại nói Nguyễn Văn T2, Ngô Đình L3– Phó Giám đốc Công ty C5 hoàn thiện các hợp đồng, biên bản nghiệm thu và giao nhận, thanh lý hợp đồng và xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho UBND xã B để Phạm Văn T làm chứng từ phục vụ việc

thanh toán cho Công ty C5 trong niên độ ngân sách năm 2019.

Đến đầu tháng 01/2020, ông Trần Ngọc V là nhân viên Công ty C5, mang tập hồ sơ chứng từ thanh toán của hai Dự án trên đến UBND xã B đưa cho Lê Bá Đ1 để đưa cho Phạm Văn T gồm: Hợp đồng dự án chăn nuôi trâu cái nội thuộc chương trình 30a, Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000694 đề ngày 26/12/2019, biên bản nghiệm thu và giao nhận, biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30a; Hợp đồng của dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nuôi trâu địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000670 đề ngày 24/12/2019, biên bản nghiệm thu và giao nhận, biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới. Sau đó, Phạm Văn T đối chiếu ngày, tháng rồi nói Lê Bá Đ1 *ghi ngày, giờ vào các biên bản để hợp thức hóa hồ sơ chuyển tiền cho Công ty C5*. Tiếp đó, Phạm Văn T điện thoại cho ông Ngô Đình L3 nói *"Khi nào bàn giao trâu và thức ăn hỗn hợp cho UBND xã B để cấp cho các hộ dân"* thì ông Ngô Đình L3 trả lời *"Có sẵn trâu rồi, đợi thời tiết thuận lợi sẽ lên giao trâu và thức ăn"*, nghe vậy Phạm Văn T tiếp tục đến gặp Phạm Văn D xin ý kiến về việc thanh toán tiền 02 Dự án 30a và Nông thôn mới năm 2019 cho Công ty C5 thì Phạm Văn D nói *"Đã thoả thuận thống nhất với Công ty C5 xong rồi, cứ chuyển tiền cho Công ty C5 đi"*. Sau đó, Phạm Văn T tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan và soạn thảo Giấy rút dự toán ngân sách số CK180 và Giấy rút dự toán ngân sách số CK182 đề ngày 16/01/2020 trình Phạm Văn D ký xác nhận rồi đến Kho bạc Nhà nước huyện B làm thủ tục chuyển tiền cho Công ty C5 (thông qua hình thức chuyển khoản) với số tiền của Dự án 30a là 244.410.000đ *(hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng)*, Dự án Nông thôn mới là 485.280.000đ (*bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)*, tổng cộng số tiền đã chuyển khoản cho Công ty C5 của 02 Dự án trên là 729.690.000đ *(bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Đến cuối tháng 3/2020, khi Đoàn thanh tra của Sở Tài chính tỉnh Q tiến hành Thanh tra chuyên đề công tác quản lý vốn các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án được Nhà nước đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư) liên quan đến công tác an sinh xã hội niên độ ngân sách năm 2019 của huyện B thì phát hiện 41 hộ dân xã B chưa nhận được trâu nhưng UBND xã B đã thanh toán tiền cho Công ty C5 nên thời điểm này giữa Công ty C5 và UBND xã B tiến hành lập các biên bản làm việc về việc cung cấp trâu giống và biên bản thoả thuận về việc nhận nợ trâu giống và thức ăn hỗn hợp giữa UBND xã B với Công ty C5 có chữ ký xác nhận của Phạm Văn D và Nguyễn Văn T2 để hợp thức lại nội dung lý do kéo dài việc chưa cấp trâu cho các hộ dân và chỉnh sửa thời gian Công ty C5 cung ứng trâu cho UBND xã B

đến tháng 6/2020.

Sau đó, Phạm Văn T tiếp tục nhờ Lê Bá Đ1 ghi ngày, giờ vào các biên bản làm việc về việc cung cấp trâu giống đề ngày 30/12/2019, biên bản thoả thuận về việc nhận nợ trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019, biên bản làm việc về việc cung cấp trâu giống đề ngày 31/12/2019, biên bản thoả thuận về việc nhận nợ trâu giống đề ngày 31/12/2019 cho phù hợp thời gian với những biên bản nghiệm thu và giao nhận trâu, biên bản thanh lý hợp đồng của 02 (hai) dự án mà Phạm Văn T đã nhờ Lê Bá Đ1 ghi khống trước đó, để hợp thức hoá tài liệu đưa vào hồ sơ hai dự án trên. Đến cuối tháng 5, đầu tháng 6/2020, Công ty C5 thông báo cho Ban Chỉ đạo xã B thành lập đoàn nghiệm thu đến nghiệm thu trâu của 02 Dự án trên tại trại chăn nuôi của Công ty C5 và đến ngày 09/6/2020, Công ty C5 mới vận chuyển 41 con trâu đến địa bàn xã B cấp trâu cho người dân, tuy nhiên không cấp thức ăn cho người dân. Sau khi phát hiện sai phạm nêu trên của UBND xã B, Sở Tài chính tỉnh Q đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh giải quyết theo quy định. Sau khi tiếp nhận, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh tiến hành kiểm tra xác minh đến ngày 20/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" xảy ra tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra theo thẩm quyền.

Kết luận giám định số 425/KL-KTHS, ngày 06/6/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận: Các chữ viết (ký) tại cột "Ký nhận" đọc được "Gứt" số TT7 mang tên Phạm Văn G6, "Chu" số TT12 mang tên Phạm Văn C4 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1), "nhù" số TT12 mang tên Phạm Văn N4 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ viết tài liệu mẫu so sánh "Bản tự khai/ Bản tường trình" đề các ngày 15/3/2022, 16/3/2022, 09/5/2022 ghi tên Phạm Văn T (ký hiệu M1 đến M5) là do cùng một người viết (ký) ra.(BL: 22-24).

Kết luận giám định số 711/KL-KTHS, ngày 23/8/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận:

+ Các chữ viết (chữ số) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) không đủ yếu tố giám định.

+ Cụm chữ số "06/2020" (tại dòng 29, tính từ trên xuống) của Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019 (ký hiệu A1) bị tẩy xoá cơ học và sửa chữa. Cụm chữ số trước khi bị tẩy xoá, sửa chữa là "06/2019".

+ Các chữ số "31" (tại dòng 08, tính từ trên xuống), "31" (tại dòng 9) và "06/2020" (tại dòng 27) của Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày

31/12/2019 (ký hiệu A2) bị tẩy xoá cơ học và sửa chữa; không hiện lại được chữ số trước khi bị tẩy xoá, sửa chữa.

+ Các chữ số "31" (tại dòng 08, tính từ trên xuống), "31", "12", "2019" (tại dòng 9) của Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 31/12/2019 (ký hiệu A3) bị tẩy xoá cơ học và sửa chữa; không hiện lại được chữ số trước khi bị tẩy xoá, sửa chữa.

+ Các chữ số "30", "12" và "2019" (tại dòng 10, tính từ trên xuống) của Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày 30/12/2019 (ký hiệu A4) bị tẩy xoá cơ học và sửa chữa; không hiện lại được chữ số trước khi bị tẩy xoá, sửa chữa.(BL: 44-49).

Kết luận giám định số 63/GĐYK-TYC, ngày 30/01/2024 của Hội kết luận: Căn cứ Thông tư số 03/2013/TTLT-BCA-TANDTC-VKSNDTC-BQP-BYT ngày 15/5/2013, Hội đồng giám định y khoa kết luận:Ông Phạm Văn D được xác định: Đột quỵ do xuất huyết não (kết quả MRI: Xuất huyết vùng vành tia – nhân bèo trái) đã điều trị ổn định; Đái tháo đường type 2 (bệnh đái tháo đường không phụ thuộc Insuline). Hai bệnh trên không phải là bệnh hiểm nghèo.

Kết luận giám định số 108/KL-KTHS, ngày 19/02/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận:Chữ viết, chữ ký tại trang số 8 có nội dung "Giấy đề nghị gửi lại con trâu… Tư Nghĩa, ngày 26/12/2019… Phạm Văn D" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký của ông Phạm Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người viết, ký ra. (BL: 136-138).

Về dân sự: Các bị cáo đã tiến hành cấp 41 con trâu cái/ 41 hộ dân vào ngày 09/6/2020.

Vật chứng thu giữ, xử lý vật chứng: 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019;01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 26/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 31/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 31/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019,01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019, 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019 do UBND xã B giao

nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000694, số lượng 17 con trâu của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000670, số lượng 24 con trâu của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) quyển sổ tay ngoài bìa có ghi dòng chữ "SỔ TAY KHUYẾN NÔNG – KHUYẾN NGƯ 2013 TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN NGƯ QUẢNG NGÃI" bên trong quyển sổ tay tại vị trí đánh số thứ tự trang số 8 có ghi nội dung "Giấy đề nghị gửi lại con trâu…. Tư Nghĩa, ngày 26/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề tên Phạm Văn D" do bị can Phan S giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5) do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 24/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 26/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; Giấy rút dự toán ngân sách số CK180đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án Nông thôn mới số tiền 485.280.000đ

(bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; Giấy rút dự toán ngân sách số CK182đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án 30a số tiền 244.410.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word và Excel của 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:lebado08@gmail.commáy vi tính nhãn hiệu FPT T5260 G3930 do Lê Bá Đ1 quản lý, sử dụng phục vụ công tác tại UBND xã B; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word liên quan đến báo cáo giải trình Sở Tài Chính đối với 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:vanthuybatrang@gmail.comvà máy vi tính nhãn hiệu ASUS ALLSERIES do Phạm Văn T sử dụng tại UBND xã B; Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của Phạm Văn D giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Phạm Văn T giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Lê Bá Đ1 giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 20/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và trong phần luận tội đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt:

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn D.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn T.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Bá Đ1.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan S.

Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, h, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T2.

Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Đã khắc phục cấp 41 con trâu/41 hộ dân và các hộ dân đều có đơn không có yêu cầu gì, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

Tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019;01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 26/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 31/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 31/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019,01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019, 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000694, số lượng 17 con trâu của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000670, số lượng 24 con trâu của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) quyển sổ tay ngoài bìa có ghi dòng chữ "SỔ TAY KHUYẾN NÔNG – KHUYẾN NGƯ 2013 TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN NGƯ QUẢNG NGÃI" bên trong quyển sổ tay tại vị trí đánh số thứ tự trang số 8 có ghi nội dung "Giấy đề nghị gửi lại con trâu…. Tư Nghĩa, ngày 26/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề tên Phạm Văn D" do bị can Phan S giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5) do UBND xã B giao

nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 24/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 26/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; Giấy rút dự toán ngân sách số CK180đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án Nông thôn mới số tiền 485.280.000đ (bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; Giấy rút dự toán ngân sách số CK182đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án 30a số tiền 244.410.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word và Excel của 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:lebado08@gmail.commáy vi tính nhãn hiệu FPT T5260 G3930 do Lê Bá Đ1 quản lý, sử dụng phục vụ công tác tại UBND xã B; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word liên quan đến báo cáo giải trình Sở Tài Chính đối với 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:vanthuybatrang@gmail.comvà máy vi tính nhãn hiệu ASUS ALLSERIES do Phạm Văn T sử dụng tại UBND xã B.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của Phạm Văn D giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Phạm Văn T giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Lê Bá Đ1 giao nộp.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T

Người bào chữa cho bị cáo Lê Bá Đ1 đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Bá Đ1.

Người bào chữa cho bị cáo Phan S đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan S.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T2 đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, h, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T2.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét miễn trách nhiệm hình sự. Các bị cáo khai nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là để kịp thời giải ngân vốn ngân sách niên độ năm 2019 để giữ lại 02 dự án cho 41 hộ dân có trâu nuôi để giải quyết việc làm giảm nghèo cho các hộ dân. Hơn nữa, thời tiết vào tháng 12/2019 ở địa bàn xã B, huyện B mùa đông nên rất giá lạnh (nhiệt độ chỉ khoảng 17-18°C), tình hình dịch bệnh lở mồm, long móng diễn ra phức tạp trên địa bàn tỉnh, nhằm để an toàn con giống nên kéo dài thời gian cấp trâu chờ thời tiết thuận lợi và dịch bệnh được khống chế thì cấp cho dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án: Ngày 07/11/2024 Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2024/QĐXXST-HS xác định ông Nguyễn Quốc T11, ông Phạm Văn N8,

bà Đinh Thị Phương L5, bà Nguyễn Thị L6, ông Đinh U1, ông Chế Ngọc V1, ông Nguyễn T13, ông Vũ Văn V2, ông Võ Phước Đ5, ông Nguyễn Thanh H11 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên, qua nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của ông Nguyễn Quốc T11, ông Chế Ngọc V1, ông Nguyễn T13, ông Vũ Văn V2, ông Võ Phước Đ5, ông Nguyễn Thanh H11 là người làm chứng trong vụ án và loại tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Phạm Văn N8, bà Đinh Thị Phương L5, bà Nguyễn Thị L6, ông Đinh Um .

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T6, ông Trần Phương Đ2, ông Phạm Văn C1, ông Phạm Văn K1, bà Phạm Thị N3, ông Phạm Văn X1, ông Phạm Văn N4, ông Phạm Văn Đ3, bà Phạm Thị S1, bà Phạm Thị N5; ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn G1, ông Phạm Văn G2, bà Phạm Thị D2, ông Phạm Văn N6 (Đậy), ông Phạm Văn G3, ông Phạm Văn L1, ông Phạm Văn Ê, bà Phạm Thị C2, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn X3, ông Phạm Văn G4, bà Phạm Thị L2, bà Phạm Thị G5, bà Phạm Thị M1, ông Phạm Văn M2, bà Phạm Thị T7, ông Phạm Văn Í, ông Phạm Văn N7, ông Phạm Văn C3, bà Phạm Thị X4, bà Phạm Thị B2, ông Phạm Văn U, ông Phạm Văn X5, bà Phan Thị Kim T9, ông Ngô Đình L3, ông Phan H10 vắng mặt không có lý do; những người làm chứng ông Nguyễn T13, ông Võ Phước Đ5, ông Nguyễn Thanh H11 vắng mặt không có lý do. Xét thấy bị cáo Phạm Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt do tai biến nặng có xác nhận của chính quyền địa phương, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nêu trên đã có bản khai và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 290, 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 đều là những người đã có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Ngày 14/12/2019 UBND xã B và Công ty TNHH C5 ký kết Hợp đồng kinh tế số 10/2019/HĐKT-UBND về việc cung ứng Trâu giống từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 30a năm 2019, xã B và hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trâu địa phương số 09/2019/HĐSXTT, trong hai hợp đồng nêu trên đều nêu rõ *"Công ty C5 chịu trách nhiệm cung cấp đúng số lượng, chất lượng con giống theo quy định của Nhà nước và cấp giống trong khoản thời gian 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, sau khi nghiệm thu, bàn giao Trâu giống cho hộ dân và thanh lý hợp đồng, bên UBND xã B sẽ thanh toán đầy đủ cho Công ty C5 theo giá trị hợp đồng" và "Công ty C5 chịu trách nhiệm cung cấp đúng số lượng, chất lượng con giống và thời gian cấp giống từ tháng 11- 12/2019, còn UBND xã B chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho Công ty C5 trong vòng 10 ngày, kể từ ngày UBND xã B nhận được hoá đơn tài chính, chứng từ hợp lệ của Công ty C5"* nhưng bị cáo Phạm Văn D với cương vị là Chủ tịch UBND xã B đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, không thực hiện theo nội dung hợp đồng đã ký kết giữa UBND xã B và Công ty TNHH C5, không chỉ đạo thành lập hội đồng nghiệm thu gồm đại diện các hội, đoàn thể của UBND xã B và đại diện các hộ dân nhận trâu để tiến hành nghiệm thu kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách và tiêu chuẩn kỹ thuật trâu, thức ăn của 02 (hai) Dự án 30a và Nông thôn mới do Công ty TNHH C5 cung cấp, không thông qua các thành viên của UBND xã B, Đảng uỷ xã B và không xin ý kiến của Chủ tịch UBND huyện B mà tự ý thoả thuận với bị cáo Phan S, bị cáo Nguyễn Văn T2 về việc "Gửi lại trâu và thức ăn cho Công ty TNHH C5", đồng thời chỉ đạo các bị cáo Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 lập hồ sơ về việc Công ty TNHH C5 đã cung cấp đủ số lượng 41 con trâu và thức ăn cho UBND xã B để bị cáo Phạm Văn T làm thủ tục thanh toán chuyển tổng số tiền **729.690.000đ** *(bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)* cho Công ty TNHH C5 vào ngày 16/01/2020 tại Kho bạc Nhà nước huyện B.

Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Ủy ban nhân dân xã B. Hành vi của các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, đã phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Phan S, Nguyễn Văn T2 tuy không có chức vụ, quyền

hạn trong UBND xã B nhưng đồng phạm với vai trò giúp sức cho các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 thực hiện hành vi phạm tội.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm, nhưng có tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ; bị cáo Phạm Văn D là người đứng đầu UBND xã B phải chịu trách nhiệm chính vì đã chỉ đạo các bị cáo Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 là hai nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi trái pháp luật gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Đối với các bị cáo Phan S và Nguyễn Văn T2 biết rõ thời điểm lập biên bản thanh lý hợp đồng và bàn giao con giống chưa có đủ trâu để cấp cho UBND xã B nhưng vẫn đồng ý giúp sức, tạo điều kiện để hợp thức hoá hồ sơ, chứng từ quyết toán.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Ngoài hành vi bị truy cứu trách nhiệm hình sự nêu trên thì các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S và Nguyễn Văn T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn D (trong quá trình điều tra), Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 đã khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả.

Đối với bị cáo Phạm Văn D hiện đang điều trị bệnh tai biến. Đối với bị cáo Phạm Văn T, ngoài tình tiết giảm nhẹ trên, bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi vợ thường xuyên đau ốm. Bị cáo Lê Bá Đ1 hiện nay là lao động chính trong gia đình nuôi vợ và 02 con còn nhỏ, nuôi cha bị tai biến nặng, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Phan S, Nguyễn Văn T2 tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được UBND tỉnh Q tặng Bằng khen cho Công ty C5 và cá nhân các bị cáo đã được tặng nhiều giấy khen nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, h, v Điều 51 BLHS cho các bị cáo nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không đủ cơ sở để áp dụng điểm h, v Điều 51 BLHS nên không áp dụng.

Xét về mục đích, động cơ phạm tội: Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 khi phạm tội trong bối cảnh kết thúc ngân sách niên độ 2019 theo quy định của Luật ngân sách năm 2015 nên nếu không hoàn thành Dự án thì nguồn vốn sẽ bị thu hồi, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Do đó, mục đích phạm tội của các bị cáo ở xã B là muốn phát triển kinh tế của địa phương, tạo việc làm và tạo ra sản phẩm đặc trưng của xã nhà.

Về mặt tác động, ảnh hưởng của điều kiện khách quan khi phạm tội: Tại thời điểm vào tháng 12/2019 thời tiết đã đi vào mùa mưa lạnh, UBND xã B thuộc vùng cao, đời sống nhân dân rất khó khăn vì thời tiết khắc nghiệt, giá buốt hơn so với mặt bằng chung của huyện miền núi B; tình hình dịch bệnh lở mồm, long móng diễn ra phức tạp trên địa bàn tỉnh, việc cấp trâu vào thời điểm này có thể ảnh hưởng đến chất lượng con giống. Đến ngày 09/6/2020, toàn bộ 41 hộ dân đều được nhận trâu và không có yêu cầu gì về dân sự. Hiện tổng số đàn trâu của hai dự án trên còn sống 27 con và sinh sản được 17 con, nhìn chung có chiều hướng phát triển tốt. Bên cạnh đó, những hộ dân được nhận trâu có đơn đề nghị quý cơ quan tiến hành tố tụng xem xét tạo điều kiện có lợi nhất cho các bị cáo. Sau kết luận thanh tra của Sở Tài chính tỉnh Q, UBND huyện đã xem xét không thu hồi vốn 02 dự án trên của UBND xã B.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là để giải quyết nguồn tiền ngân sách của năm 2019 mà UBND huyện B đã phân bổ cho UBND xã B thực hiện theo hai dự án 30a và Nông thôn mới. Theo đó, UBND xã B sẽ cung cấp đủ số lượng 41 con trâu và thức ăn cho 41 hộ dân theo hai hợp đồng kinh tế đã ký ngày 14/12/2019; trường hợp không giải quyết được nguồn tiền nêu trên thì sẽ bị thu hồi vốn và 41 hộ dân sẽ không được nhận trâu; mặt khác các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Trong quá trình công tác đã có nhiều giấy khen của UBND huyện đối với cá nhân, bằng khen của UBND tỉnh đối với tập thể; không có tình tiết tăng nặng, hậu quả đã được khắc phục kịp thời sau đó (ngày 09/6/2020). Người có vai trò quyết định của 02 dự án 30a và Nông thôn mới là bị cáo Phạm Văn D. Hiện nay, bị cáo bị tai biến nặng, xuất huyết não, mặc dù kết quả giám định ngày 30/01/2024 kết luận bệnh đột quỵ do xuất huyết não, đái tháo đường type 2 không phải là bệnh hiểm nghèo, tuy nhiên, tình trạng hậu đột

quỵ do xuất huyết não và biến chứng đái tháo đường type 2 dẫn đến biến chứng liệt nửa thân người, trí nhớ giảm sút, nói không ra từ, xét thấy người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội; Do đó, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tính nhân đạo của Nhà nước, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật hình sự để miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đã khắc phục xong thiệt hại và các hộ dân không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019;01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 26/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 31/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 31/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000694, số lượng 17 con trâu của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000670, số lượng 24 con trâu của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) quyển sổ tay ngoài bìa có ghi dòng chữ "SỔ TAY KHUYẾN NÔNG – KHUYẾN NGƯ 2013 TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN NGƯ QUẢNG NGÃI" bên trong quyển sổ tay tại vị trí đánh số thứ tự trang số 8 có ghi nội dung "Giấy đề nghị gửi lại con trâu…. Tư Nghĩa, ngày 26/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề tên Phạm Văn D" do bị can Phan S giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5) do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5

(có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 24/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản pho to, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 26/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; Giấy rút dự toán ngân sách số CK180đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án Nông thôn mới số tiền 485.280.000đ (bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; Giấy rút dự toán ngân sách số CK182đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án 30a số tiền 244.410.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word và Excel của 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:lebado08@gmail.commáy vi tính nhãn hiệu FPT T5260 G3930 do Lê Bá Đ1 quản lý, sử dụng phục vụ công tác tại UBND xã B; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word liên quan đến báo báo giải trình Sở Tài Chính đốivới 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:vanthuybatrang@gmail.commáy vi tính nhãn hiệu ASUS ALLSERIES do Phạm Văn T sử dụng tại UBND xã B.

[9] Đối với Kho bạc Nhà nước huyện B: Về trách nhiệm đối với việc kiểm soát chi số tiền **729.690.000đ***(bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)* đối với 02 Dự án 30a và Nông thôn mới năm 2019, căn cứ Luật

Ngân sách nhà nước và các Thông tư của Bộ T15 có liên quan quy định về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước, thì hồ sơ, chứng từ UBND xã B gửi Kho bạc Nhà nước huyện B đề nghị thanh toán là đầy đủ theo quy định nên quá trình kiểm soát chi của Kế toán, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện B không biết việc Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 lập khống chứng từ kế toán để thanh toán tiền cho Công ty C5 theo niên độ ngân sách năm 2019. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét hành vi các cá nhân của Kho bạc Nhà nước huyện B là có cơ sở.

[10] Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B: Trong quá trình thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới năm 2019, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B chỉ thẩm định dự toán nguồn kinh phí thực hiện 02 Dự án trên và tham mưu Chủ tịch UBND huyện B phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Phòng T không có trách nhiệm giám sát trực tiếp việc thực hiện 02 Dự án trên. Ngoài ra đối với việc quyết toán nguồn vốn của 02 Dự án trên được UBND xã B thực hiện sau thời điểm Đoàn Thanh tra của Sở Tài chính tỉnh Q phát hiện sai phạm và UBND xã B đã tiến hành khắc phục cấp trâu cho 41 hộ dân nên việc Phòng Tài chính – Kế hoạch có Thông báo số 44/TB-TCKH ngày 31/12/2020 về thẩm định quyết toán ngân sách xã B năm 2019 trong đó có 02 Dự án nêu trên đảm bảo theo quy định. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét hành vi các cá nhân của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B là có cơ sở.

[11] Đối với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B: Trong quá trình thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới năm 2019, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B chỉ thẩm định hồ sơ thực hiện 02 Dự án trên về định mức kỹ thuật của trâu giống, các nội dung về hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, cũng như tham mưu thành lập Hội đồng của UBND huyện B đánh giá dự án để xét chọn đơn vị chủ trì dự án và Hội đồng đã thống nhất lựa chọn Công ty N9 thực hiện Dự án Nông thôn mới. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B không có trách nhiệm giám sát trực tiếp việc thực hiện 02 Dự án trên và quá trình UBND xã B triển khai thực hiện 02 Dự án trên Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B không nhận được thông báo của UBND xã B về việc không tiến hành cấp phát trâu cho 41 hộ dân do điều kiện thời tiết, dịch lở mồm long móng xảy ra trên địa bàn. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét hành vi các cá nhân của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B là có cơ sở.

[12] Đối với ông Phan Văn X và bà Phan Thị Kim T9: Quá trình điều tra xác định tại thời điểm Công ty C5 thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới với UBND xã B vào năm 2019 thì trước đó ông Phan Văn X là Chủ tịch HĐTV Công ty C5 đã uỷ quyền cho Phan S (con ruột của Phan Văn X) để chỉ đạo Công

ty C5 tổ chức sản xuất, kinh doanh cũng như trọn quyền sở hữu toàn bộ phần góp vốn trong Công ty C5 nên không tham gia, can thiệp vào 02 dự án này. Đối với bà Phan Thị Kim T9 là con ruột của Phan S, mặc dù là thành viên của HĐTV Công ty C5, tuy nhiên tại thời điểm Công ty C5 thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới với UBND xã B vào năm 2019 thì bà Phan Thị Kim T9 không tham gia, chỉ đạo việc thực hiện. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét hành vi của Phan Văn X và Phan Thị Kim T9 trong vụ án này là có cơ sở.

[13] Đối với các cá nhân của Công ty C5 liên quan đến việc thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới năm 2019 gồm: Ông Ngô Đình L3 – Phó Giám đốc, bà Võ Thị Mỹ L4 – Cán bộ kỹ thuật (Người đứng tên Chủ nhiệm Dự án Nông thôn mới), bà Võ Thị Tú S2 – Kế toán, ông Nguyễn Văn T10 – Kỹ sư lâm nghiệp, ông Đỗ Thành Đ4 – Nhân viên lái xe. Quá trình triển khai thực hiện 02 Dự án trên những cá nhân này có tham gia cùng với Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 xây dựng hồ sơ thực hiện cũng như soạn thảo các thủ tục liên quan đến hợp đồng, biên bản nghiệm thu, giao nhận và thanh lý hợp đồng gửi cho Phạm Văn T để thực hiện các thủ tục thanh toán tiền trâu giống và thức ăn chăn nuôi cho Công ty C5. Tuy nhiên, quá trình điều tra xét thấy những cá nhân nêu trên chỉ là những nhân viên làm việc hưởng lương và theo sự chỉ đạo điều hành của Phan S và Nguyễn Văn T2 tại Công ty C5, không có vai trò đáng kể, quyết định và cũng không hưởng lợi gì nên không xem xét hành vi của những cá nhân này với vai trò đồng phạm trong vụ án là phù hợp.

[14] Đối với ông Phạm Văn X5, Phạm Văn D1 và Phạm Văn U, trong các biên bản nghiệm thu và giao nhận của 02 Dự án trâu 30a và Nông thôn mới ông Phạm Văn X5, Phạm Văn D1 và Phạm Văn U có ký khống vào mục thành phần tham dự nhưng thực tế không tham giao buổi nghiệm thu và giao nhận trâu, tuy nhiên xét thấy nội dung này không quyết định đến việc Kho bạc Nhà nước có duyệt chứng từ kế toán đề nghị thanh toán của UBND xã B cho Công ty C5 và những cá nhân này cũng không có sự bàn bạc thống nhất với Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 về việc ký khống chứng từ để thanh toán tiền cho Công ty C5, cũng không hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không xem xét hành vi của ông Phạm Văn X5, Phạm Văn D1 và Phạm Văn U với vai trò đồng phạm trong vụ án này là phù hợp.

[15] Đối với hành vi khắc phục hậu quả cấp 41 con trâu của 02 Dự án cho 41 hộ dân và không cung cấp 720kg thức ăn đối với Dự án Nông thôn mới của Công ty C5: Sau khi hành vi của Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 bị Đoàn Thanh tra của Sở Tài chính tỉnh Q phát hiện và yêu cầu khẩn trương cấp phát trâu cho 41 hộ dân thì Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1 đã liên hệ với Công ty C5 tiến hành nghiệm thu và cấp phát 41 con trâu cho 41 hộ dân vào ngày

09/6/2020. Mặc dù, quá trình nghiệm thu và cấp phát 41 con trâu có khối lượng không đồng đều nhau và Công ty C5 cũng không tiến hành cân trọng lượng mà chỉ đo vòng ngực để quy ra trọng lượng là chưa đảm bảo theo Hợp đồng đã ký kết với UBND xã B. Tuy nhiên, xét thấy thời điểm xảy ra sự việc đã lâu các hộ dân khi nhận trâu đã tiến hành nuôi dưỡng trong thời gian dài có con còn sống, có con đã chết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để xác định trọng lượng 41 con trâu tại thời điểm Công ty C5 bàn giao cho UBND xã B từ đó làm căn cứ để xác định thiệt hại. Mặt khác, quá trình Cơ quan điều tra làm việc với 41 hộ dân được nhận trâu cũng không có ý kiến khiếu nại gì đối với trọng lượng trâu khi được nhận. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không xem xét hành vi vi phạm quy định về đấu thầu đối với các cá nhân của Công ty C5 là có cơ sở.

[16] Đối với 720kg thức ăn của Dự án Nông thôn mới: xét thấy giữa Phạm Văn D và Phan S có sự thoả thuận về việc gửi lại 720kg thức ăn cho Công ty C5 để nuôi dưỡng trâu trong thời gian chờ cấp phát cho các hộ dân, đồng thời quá trình làm việc 24 hộ dân thuộc Dự án Nông thôn mới cũng không có yêu cầu nhận lại mỗi hộ 30kg thức ăn. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng không xem xét tình tiết khắc phục hậu quả 720kg thức ăn của Dự án Nông thôn mới đối với Công ty C5 là phù hợp.

[17] Đối với số tiền 28.000.000 đồng của các bị cáo ở xã B giao nộp: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định trong quá trình thực hiện 02 Dự án, giữa các bị cáo ở xã B với Công ty C5 không có sự hứa hẹn, thoả thuận, bàn bạc trước để Công ty C5 thực hiện 02 Dự án 30a và Nông thôn mới. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đây là tiền chăm sóc khách hàng của Công ty C5 đã tự nguyện tặng quà cho các bị cáo và các bị cáo cũng không có yêu cầu nhận lại số tiền này, do đó cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[18] Đối với các Dự án khác trên địa bàn huyện B có cùng thời điểm với xã B, qua kết luận thanh tra của Sở T cũng như kết quả điều tra vụ án phát hiện một số đơn vị đã có vi phạm trong quá trình thực hiện Dự án năm 2019. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa thể làm rõ các sai phạm cụ thể. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B sẽ tách những tài liệu có liên quan đến các Dự án khác trên địa bàn để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[19] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 phạm tội ‘‘Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn D.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phạm Văn T.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Lê Bá Đ1.

4. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Phan S.

5. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm a khoản 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự. Miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn T2.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

6.1. Tịch thu lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 26/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án 30a đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án 30a đề ngày 31/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án 30ađề ngày 31/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hợp đồng Dự án Nông thôn mới đề ngày 14/12/2019; 01 (một) biên bản nghiệm thu và giao nhận của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019; 01 (một) biên bản thanh lý hợp đồng của Dự án Nông thôn mới đề ngày 30/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000694, số lượng 17 con trâu của Dự án 30a đề ngày 26/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Hoá đơn

giá trị gia tăng số 0000670, số lượng 24 con trâu của Dự án Nông thôn mới đề ngày 24/12/2019 do UBND xã B giao nộp; 01 (một) quyển sổ tay ngoài bìa có ghi dòng chữ "SỔ TAY KHUYẾN NÔNG – KHUYẾN NGƯ 2013 TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG KHUYẾN NGƯ QUẢNG NGÃI" bên trong quyển sổ tay tại vị trí đánh số thứ tự trang số 8 có ghi nội dung "Giấy đề nghị gửi lại con trâu…. Tư Nghĩa, ngày 26/12/2019 có chữ ký, chữ viết đề tên Phạm Văn D" do bị can Phan S giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5) do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v cung cấp Trâu giống đề ngày 31/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản làm việc V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 30/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên ông Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn đỏ của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên ông Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn đỏ của Công ty TNHH C5)do UBND xã B giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống và thức ăn hỗn hợp đề ngày 24/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; 01 (một) Biên bản thoả thuận V/v nhận nợ Trâu giống đề ngày 26/12/2019 giữa UBND xã B (có chữ ký xác nhận đề tên Phạm Văn D – Chủ tịch UBND xã B và hình dấu tròn của UBND xã B) với Công ty TNHH C5 (có chữ ký xác nhận đề tên Nguyễn Văn T2 – Giám đốc Công ty C5 và hình dấu tròn của Công ty TNHH C5), bản phô tô, có đóng dấu tròn đỏ của Công ty C5 do Công ty C5 giao nộp; Giấy rút dự toán ngân sách số CK180đề ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án Nông thôn mới số tiền 485.280.000đ (bốn trăm tám mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; Giấy rút dự toán ngân sách số CK182đề

ngày 16/01/2020 của UBND xã B đối với Dự án 30a số tiền 244.410.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng), đơn vị nhận tiền: Công ty C5, hình thức: Chuyển khoản; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word và Excel của 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:lebado08@gmail.commáy vi tính nhãn hiệu FPT T5260 G3930 do Lê Bá Đ1 quản lý, sử dụng phục vụ công tác tại UBND xã B; 01 (một) Đĩa DVD lưu trữ các file dữ liệu định dạng Word liên quan đến báo cáo giải trình Sở Tài Chính đốivới 02 Dự án 30a và Nông thôn mới được trích xuất từ email:vanthuybatrang@gmail.comvà máy vi tính nhãn hiệu ASUS ALLSERIES do Phạm Văn T sử dụng tại UBND xã B.

6.2. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) của Phạm Văn D giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Phạm Văn T giao nộp; Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) của Lê Bá Đ1 giao nộp được lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1068643.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ tại Kho bạc Nhà nước huyện B theo Ủy nhiệm chi lập ngày 16 tháng 10 năm 2024 giữa Công an huyện B và Kho bạc Nhà nước huyện B.

7. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: buộc các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Văn T, Lê Bá Đ1, Phan S, Nguyễn Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2024). Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ

(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Huy